TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2020
"V/v Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

2. Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐ-ST ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G, sinh ngày 23/5/1993.

Nơi cư trú: Thôn Trụ Thượng, xã Đồng Lạc, thành phố CL, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Tuấn A, sinh ngày 02/01/1995.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu Dân cư Kiệt Đông, phường VA, thành phố CL, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: No. 145, Hongzhu Road, Luzhu District, Taoyuan City, ĐL (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Bùi Thị G trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị và anh Đỗ Tuấn A được tự do tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường VA, thị xã CL, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau 01 tuần thì anh TA sang lao động tại ĐL. Đến ngày 01/10/2018, chị sinh cháu Đỗ Như Q, anh TA có về thăm chị và con một thời gian ngắn rồi tiếp tục sang ĐL lao động, từ đó đến nay vợ chồng mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh TA có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng tình cảm hai bên không được cải thiện. Khoảng đầu tháng 11/2019 chị có liên lạc qua điện thoại với anh TA và thông báo cho anh TA về việc chị làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Anh TA có quan điểm nhất trí ly hôn với chị nhưng anh TA không về để cùng chị đến Tòa án giải quyết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Tuấn A.

- *Về con chung:* Chị và anh TA có 01 con chung là cháu Đỗ Như Q, sinh ngày 01/10/2018 hiện ở cùng với chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con chung cháu Đỗ Như Q. Nếu được quyền nuôi con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đỗ Tuấn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về chi phí Ủy thác tư pháp chị đã nộp đủ và không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: anh TA vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Bùi Thị G được ly hôn anh Đỗ Tuấn A, giao con chung cháu Đỗ Như Q cho chị Bùi Thị G tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện

của chị G không yêu cầu anh TA cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị; Chị G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Bùi Thị G có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Đỗ Tuấn A. Anh TA hiện đang sinh sống và lao động tại ĐL. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Về xét xử vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn chị Bùi Thị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn; Bị đơn anh Đỗ Tuấn A hiện đang làm việc và cư trú tại ĐL, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại ĐB, ĐL để tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh TA theo quy định của pháp luật nhưng anh TA vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh TA.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị G và anh Đỗ Tuấn A được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường VA, thị xã CL, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/02/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được 1 tuần, anh TA sang ĐL làm việc, từ đó đến nay vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi không ai quan tâm đến ai. Anh TA đi làm ăn và sinh sống tại ĐL không liên lạc với chị G, điều đó thể hiện anh TA không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không còn tình cảm với chị G. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị G và anh TA đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị G xin ly hôn anh TA là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị G và anh TA có 01 con chung là Đỗ Như Q, sinh ngày 01/10/2018, cháu Q hiện đang ở cùng chị G. Anh TA không có liên lạc gì với chị G và không quan tâm đến con chung. Sau khi ly hôn, chị G có

nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và tự nguyện không yêu cầu anh TA phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét chị G hiện có chỗ ở và công việc ổn định, cháu Q còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên chấp nhận đề nghị của chị G, tiếp tục giao cháu Đỗ Như Q cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 02/2020 đến khi con chung thành niên là đảm bảo quyền lợi của con chung. Anh TA được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị G phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về chi phí ủy thác: Chị G đã nộp đủ và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng*:* Xử cho chị Bùi Thị G được ly hôn anh Đỗ Tuấn A.

[2]. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Bùi Thị G tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Như Q, sinh ngày 01/10/2018 thời gian từ tháng 02/2020 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị G không yêu cầu anh Đỗ Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Đỗ Tuấn A được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007367 ngày 01/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Chị G đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường VA, thị xã CL, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa